

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2023/NQ-HĐND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2023

**DỰ THẢO**

### NGHỊ QUYẾT

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 114/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về phân cấp quản lý tài sản công trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ ...

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;*

*Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam;*

*Căn cứ Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;*

*Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;*

*Căn cứ Thông tư số 68/2022/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để*

*mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;*

*Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 114/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về phân cấp quản lý tài sản công trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thống nhất của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 114/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về phân cấp quản lý tài sản công trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 2 như sau:

**“ Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cơ quan nhà nước; đơn vị sự nghiệp công lập; tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị).

2. Văn phòng huyện ủy, thành ủy, thị ủy và đơn vị sự nghiệp của Đảng là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện (sau đây gọi là cơ quan, đơn vị của Đảng ở huyện) mua sắm, thuê tài sản từ nguồn ngân sách nhà nước giao phục vụ hoạt động, thu hồi tài sản được Nhà nước giao bằng hiện vật và tài sản được đầu tư xây dựng, mua sắm từ ngân sách nhà nước.

3. Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng, xử lý tài sản công.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

**“Điều 3. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm đối với:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô (sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh);

b) Tài sản khác có tổng giá dự toán mua sắm trên 02 tỷ đồng cho một lần mua sắm của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh.

2. Giám đốc sở, thủ trưởng ban, ngành, đoàn thể, đơn vị cấp tỉnh và tương đương quyết định mua sắm tài sản có tổng giá dự toán mua sắm không quá 02 tỷ đồng cho một lần mua sắm của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ tài sản quy định tại điểm a khoản 1, khoản 4 Điều này).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã (sau đây gọi là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện) quyết định mua sắm đối với tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện, cấp xã thuộc phạm vi quản lý (trừ tài sản quy định tại điểm a khoản 1, khoản 4 Điều này).

4. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị cấp tỉnh và tương đương, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn quyết định mua sắm tài sản có tổng giá dự toán mua sắm không quá 500 triệu đồng cho một lần mua sắm (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này).

5. Thẩm quyền quyết định mua sắm tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều này được áp dụng đối với mua sắm tài sản có sử dụng nguồn ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Trường hợp sử dụng nguồn kinh phí hợp pháp khác để mua sắm, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ nguồn kinh phí được phép sử dụng để quyết định mua sắm đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với tiêu chuẩn, định mức quy định (trừ tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều này).

6. Việc mua sắm đối với tài sản thuộc danh mục tài sản mua sắm tập trung trên địa bàn tỉnh thực hiện theo quy định về mua sắm tập trung.”

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

**“Điều 6. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển đối với:

- a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;
- b) Xe ô tô.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này trong các trường hợp:

- a) Giữa các sở, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị cấp tỉnh và tương đương;
- b) Từ cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh sang cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện, cấp xã và ngược lại;
- c) Từ cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện, cấp xã thuộc phạm vi quản lý của huyện, thành phố, thị xã này sang cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện, cấp xã thuộc phạm vi quản lý của huyện, thành phố, thị xã khác.

3. Giám đốc sở, thủ trưởng ban, ngành, đoàn thể, đơn vị cấp tỉnh và tương đương quyết định điều chuyển tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện, cấp xã thuộc phạm vi quản lý.”

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

**“Điều 8. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý đối với:
  - a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp có nguyên giá theo sổ kế toán từ 10 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản (trừ tài sản quy định tại điểm a khoản 3, điểm a khoản 4 Điều này);
  - b) Xe ô tô có nguyên giá theo sổ kế toán từ 01 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.
2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thanh lý đối với:
  - a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng đến dưới 10 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản (trừ tài sản quy định tại điểm a khoản 4 Điều này);
  - b) Xe ô tô có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản.
3. Giám đốc sở, thủ trưởng ban, ngành, đoàn thể, đơn vị cấp tỉnh và tương đương quyết định thanh lý đối với:
  - a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý phải phá dỡ để thực hiện dự án đầu tư xây dựng, giải phóng mặt bằng hoặc các trường hợp khác theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
  - b) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (không thuộc trường hợp tại điểm a khoản này) có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản;
  - c) Tài sản khác (trừ xe ô tô) của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.
4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý đối với:
  - a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện, cấp xã thuộc phạm vi quản lý phải phá dỡ để thực hiện dự án đầu tư xây dựng, giải phóng mặt bằng hoặc các trường hợp khác theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; Nhà văn hóa, hội quán các tổ dân phố, thôn, xóm; Trường Mầm non; Trạm y tế các xã, phường, thị trấn;
  - b) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện, cấp xã thuộc phạm vi quản lý (không thuộc trường hợp tại điểm a khoản này) có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản;
  - c) Tài sản khác (trừ xe ô tô) của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện, cấp xã thuộc phạm vi quản lý có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.
5. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị cấp tỉnh và tương đương, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý đối với tài sản công thuộc phạm vi quản lý (trừ tài sản quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều này).”

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

**“Điều 12. Thẩm quyền quyết định xác lập sở hữu toàn dân về tài sản**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với:

a) Tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm mà khu vực phát hiện tài sản thuộc địa giới hành chính từ 02 huyện trở lên; bất động sản vô chủ; bất động sản không có người thừa kế; tài sản bị đánh rơi, bỏ quên là di tích lịch sử - văn hóa; tài sản của các vụ việc xử lý quy định tại Khoản này bao gồm cả bất động sản hoặc di tích lịch sử - văn hóa và động sản;

b) Tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, trừ các tài sản quy định tại các Khoản 2 và 3 Điều 7 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP, trong các trường hợp: Tài sản chuyển giao là bất động sản, xe ô tô; Tài sản chuyển giao không phải là bất động sản, xe ô tô mà khi chuyển giao không xác định cụ thể cơ quan, tổ chức, đơn vị được tiếp nhận, quản lý, sử dụng;

c) Tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam theo cam kết sau khi kết thúc thời hạn hoạt động;

d) Tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án đối tác công tư đối với trường hợp cơ quan cấp tỉnh ký hợp đồng dự án.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định xác lập sở hữu toàn dân về tài sản đối với tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giải thể.

3. Giám đốc sở, thủ trưởng ban, ngành, đoàn thể, đơn vị cấp tỉnh và tương đương quyết định xác lập sở hữu toàn dân về tài sản đối với tài sản (trừ bất động sản, xe ô tô) do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý mà khi chuyển giao đã xác định cụ thể cơ quan, tổ chức, đơn vị được tiếp nhận, quản lý, sử dụng, trừ các tài sản quy định tại các Khoản 2 và 3 Điều 7 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xác lập sở hữu toàn dân về tài sản đối với:

a) Tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm mà khu vực phát hiện tài sản thuộc địa bàn quản lý của huyện;

b) Tài sản (trừ bất động sản, xe ô tô) do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện, cấp xã thuộc phạm vi quản lý mà khi chuyển giao đã xác định cụ thể cơ quan, tổ chức, đơn vị được tiếp nhận, quản lý, sử dụng, trừ các tài sản quy định tại các Khoản 2 và 3 Điều 7 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP;

c) Tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giải thể theo ủy quyền;

d) Tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án đối tác công tư đối với trường hợp cơ quan cấp huyện, cấp xã ký hợp đồng dự án;

đ) Tài sản bị đánh rơi, bỏ quên, di sản không người thừa kế không thuộc phạm vi quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này.

5. Trường hợp một vụ việc bao gồm nhiều loại tài sản cần xác lập quyền sở hữu toàn dân liên quan đến nhiều cấp có thẩm quyền đã được quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều này thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh là người quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với vụ việc.”

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 như sau:

**“Điều 13. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với:

a) Tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính do cơ quan, người có thẩm quyền cấp tỉnh quyết định tịch thu trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này;

b) Tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người kết án bị tịch thu (đối với tài sản do cơ quan thi hành án cấp tỉnh, cơ quan thi hành án cấp quân khu chuyển giao; tài sản do cơ quan Điều tra cấp tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh quyết định tịch thu);

c) Tài sản đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xác lập sở hữu toàn dân về tài sản theo quy định tại khoản 1, 5 Điều 5 Nghị quyết này.

2. Giám đốc Sở Tài chính phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với:

a) Tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính do cơ quan, người có thẩm quyền cấp huyện, cấp xã quyết định tịch thu (trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này) mà hình thức xử lý là giao hoặc điều chuyển theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 18 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP.

b) Tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người kết án bị tịch thu (đối với tài sản do cơ quan thi hành án cấp huyện chuyển giao; tài sản do cơ quan Điều tra cấp huyện, Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện quyết định tịch thu) mà hình thức xử lý là giao hoặc điều chuyển theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 18 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP.

c) Tài sản đã được Giám đốc Sở Tài chính quyết định xác lập sở hữu toàn dân về tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị quyết này.

3. Giám đốc sở, thủ trưởng ban, ngành, đoàn thể, đơn vị cấp tỉnh và tương đương phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản đã được Giám đốc sở, thủ trưởng ban, ngành, đoàn thể, đơn vị cấp tỉnh và tương đương quyết định xác lập sở hữu toàn dân về tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị quyết này.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với:

a) Tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính do cơ quan, người có thẩm quyền cấp huyện quyết định tịch thu, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 2, khoản 6 Điều này;

b) Tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người kết án bị tịch thu (đối với tài sản do cơ quan thi hành án cấp huyện chuyển giao; tài sản do cơ quan Điều tra cấp huyện, Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện quyết định tịch thu) trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;

c) Tài sản đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xác lập sở hữu toàn dân về tài sản theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị quyết này.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính do cơ quan, người có thẩm quyền cấp xã quyết định tịch thu, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này.

6. Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là hàng hóa, vật phẩm dễ bị hư hỏng, Thủ trưởng đơn vị chủ trì quản lý tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP là người phê duyệt phương án xử lý tài sản.”

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 14 như sau:

**“Điều 14. Thẩm quyền quyết định cho thuê, thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại**

1. Thẩm quyền phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc cơ quan, đơn vị cấp tỉnh quản lý;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc cơ quan, đơn vị cấp huyện quản lý.

2. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc cơ quan, đơn vị cấp tỉnh quản lý;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc cơ quan, đơn vị cấp huyện quản lý.

3. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi:

Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trên địa bàn toàn tỉnh, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 26 Nghị định số 129/2017/NĐ-CP.

4. Thẩm quyền quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc cơ quan, đơn vị cấp tỉnh quản lý (trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này);

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi gắn liền với đất, mặt nước trên địa bàn toàn tỉnh.

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc cơ quan, đơn vị cấp huyện quản lý (trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này).

5. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc cơ quan, đơn vị cấp tỉnh quản lý;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc cơ quan, đơn vị cấp huyện quản lý.

6. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại thuộc cơ quan, đơn vị cấp tỉnh quản lý;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại thuộc cơ quan, đơn vị cấp huyện quản lý.”

## **Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết. Trong quá trình thực hiện, khi cần thay đổi thẩm quyền so với quy định tại Nghị quyết số 114/2018/NQ-HĐND và Nghị quyết này, Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để thực hiện cho từng trường hợp cụ thể và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

## **Điều 3. Điều khoản thi hành**

1. Đối với hồ sơ đề nghị mua sắm, điều chuyển, thanh lý tài sản công; hồ sơ đề nghị xác lập sở hữu toàn dân về tài sản, phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; hồ sơ đề nghị cho thuê, thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại phát sinh trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thi hành được thực hiện như sau:

a) Trường hợp cấp có thẩm quyền quyết định phù hợp với quy định tại Nghị quyết này thì tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo để phê duyệt;



b) Trường hợp cấp có thẩm quyền quyết định không phù hợp với quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện lại theo quy định tại Nghị quyết này.

2. Khi các căn cứ pháp lý, văn bản dẫn chiếu có liên quan để ban hành Nghị quyết số 114/2018/NQ-HĐND và Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng quy định mới thì áp dụng theo quy định mới.

3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh khóa XVIII, Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2023./.

***Nơi nhận:***

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ, Website Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán nhà nước khu vực II;
- Bộ Tư lệnh Quân khu IV;
- TT Tỉnh uỷ, TT HĐND tỉnh
- UBND tỉnh, UBNDTTQ tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đoàn Hà Tĩnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh uỷ, Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Trang thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**